

VAI TRÒ CỦA NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI HIỆN NAY

Nhận bài:

29 – 03 – 2017

Chấp nhận đăng:

25 – 06 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Dương Đình Tùng

Tóm tắt: Trong bài viết này, chúng tôi hướng đến hai nhận định:

Thứ nhất, trong thời đại ngày nay, nghiên cứu đơn ngành ngày càng bộc lộ rõ những hạn chế và bất cập trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội mà bản thân nó không thể tự điều chỉnh. Sự biến động của xã hội, đặc biệt là quá trình toàn cầu hoá đã dẫn đến những yêu cầu mới trong nghiên cứu về xã hội, thích ứng với sự biến đổi đó - Nghiên cứu liên ngành được xem phương thức tốt nhất đáp ứng được yêu cầu phát triển của thời đại.

Thứ hai, khoa học xã hội Việt Nam hiện nay vẫn khá tụt hậu so với sự phát triển khoa học xã hội trên thế giới - để bắt kịp với xu thế vận động đó, việc tích cực, chủ động đưa nghiên cứu liên ngành vào quá trình nghiên cứu và đào tạo trong các trường đại học là một xu thế, một yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Từ khóa: nghiên cứu liên ngành; nghiên cứu đơn ngành; sự vận động của xã hội; khoa học xã hội; hệ hình khoa học.

1. Đặt vấn đề

Tư duy phức hợp đã xuất hiện sớm trong lịch sử tư duy nhân loại, song Edgar Morin đã có công trong việc xây dựng nó thành hệ thống, và đề xuất nó như một phương pháp nghiên cứu hữu dụng trong các ngành khoa học xã hội. Giai đoạn hiện nay, những vấn đề được Edgar Morin đề xuất trong tư duy phức hợp càng phát huy giá trị trong việc nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra, đặc biệt trong nghiên cứu về nhân học.

Thời đại ngày nay, chứng kiến sự bùng nổ các cuộc cách mạng khoa học công nghệ, quá trình toàn cầu hoá diễn ra sâu rộng trên nhiều phương diện đã tạo nên sự dịch chuyển và liên kết chặt chẽ giữa các khoa học đơn ngành. Khoa học đơn ngành đã có đóng góp lớn cho sự phát triển xã hội, song với những biến động hiện nay, tính đơn ngành trong nghiên cứu đã “bất lực” trước những vấn đề xã hội đặt ra. Như một tất yếu, nhân loại

đang chứng kiến sự xuất hiện hệ thống những khoa học liên ngành vận động cùng với hệ khoa học đơn ngành đã tồn tại trước đó. Với tư cách là hình thái ý thức xã hội, khoa học xã hội ngày càng cho thấy vai trò *thiết kế* đối với sự vận động và phát triển của xã hội, vì thế nghiên cứu chuyên sâu về khoa học xã hội đã trở thành một yêu cầu quan trọng đối sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc trong thời đại ngày nay.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là quá trình toàn cầu hóa, đã làm các mặt của xã hội trở nên bất định, ràng buộc và hỗn độn hơn bao giờ hết; nghĩa là sự biến đổi của xã hội diễn ra rất nhanh chóng, các mặt của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hóa trở nên ràng buộc, và quy định nhau nhiều hơn, điều này không chỉ biểu hiện trong nội bộ một quốc gia mà đã mang tính khu vực và toàn cầu. Những biến đổi đó không xuất phát từ ý muốn chủ quan của con người mà từ bản chất nội tại của xã hội, điều này yêu cầu những khoa học nghiên cứu về xã hội phải có phương pháp phù hợp, và thực tiễn nghiên cứu khoa học trên thế giới trong thế kỉ XX đã chỉ ra, nghiên cứu liên ngành là xu thế tất yếu trong logic vận động của khoa học xã hội.

* Liên hệ tác giả

Dương Đình Tùng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: ddtung@ued.udn.vn

2. Giải quyết vấn đề

Thời đại ngày nay, nhân loại chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của các ngành khoa học xã hội, khởi phát từ thời kì khai sáng, nhưng chỉ sau Thế chiến thứ II, khoa học xã hội mới thực sự đi vào thực tiễn đời sống xã hội. Với nhiệm vụ chỉ ra những quy luật vận động chi phối đến sự tồn tại và phát triển của xã hội, khoa học xã hội đã từng bước phác họa nên “bức tranh” của xã hội trên nhiều phương diện và để hoàn thành nhiệm vụ này thì phương pháp luôn là vấn đề then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến những kết quả trong nghiên cứu. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu là cơ sở hình thành lí luận của từng chuyên ngành khoa học, từ góc độ tư duy biện chứng thấy rằng, đối tượng và phương pháp không tách rời, mà là một thể thống nhất, theo nghĩa làm nên nhau. Đối tượng quyết định việc hình thành phương pháp và ngược lại phương pháp hoạt động hiệu quả đến đâu thì khách thể với tư cách là đối tượng nghiên cứu sẽ *hiện tồn* đến đó, đây là con đường nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, cũng là con đường nhận thức/ tìm kiếm chân lí của tư duy.

Trong tính hiện thực, xã hội luôn tồn tại với tư cách là thể toàn vẹn, song ở mỗi khoa học đơn ngành, với lí luận và phương pháp nhận thức khác nhau, xã hội chỉ được thể hiện ở một chiều cạnh nhất định. Rõ ràng xã hội trong triết học không đồng nhất với xã hội trong nghiên cứu sử học, văn hoá học, xã hội học,... Xã hội không phải những mảnh ghép được cộng, nên người ta không thể tổng hợp những kết quả nghiên cứu riêng biệt để nói rằng - đó là xã hội trong hiện thực. Quá trình toàn cầu hóa đã thúc đẩy các mặt của xã hội trở nên ràng buộc vào nhau hơn, tính bất định và hỗn độn trở thành những đặc trưng nổi bật của xã hội ngày nay. Vì thế, để đáp ứng yêu cầu trong nghiên cứu về khoa học xã hội, việc chuyển dịch hệ hình nghiên cứu để thích ứng với thời đại là yêu cầu tất yếu.

Cũng như khoa học tự nhiên, sự phân ngành trong khoa học xã hội là một tất yếu khách quan mang tính lịch sử xã hội. Điểm tích cực của quá trình này là, đã mang lại lượng tri thức “khổng lồ” cho con người về xã hội trên nhiều lĩnh vực, song hạn chế lớn nhất là xã hội bị “cắt xén” thành nhiều mảnh, điều này làm con người nhìn nhận về xã hội càng phiến diện, tức xã hội bị chia nhỏ theo sự phân ngành ngày càng chuyên sâu của các ngành trong khoa học xã hội. Sự bùng nổ các cuộc cách mạng khoa học công nghệ, và quá trình toàn cầu hóa đã

làm cho các mặt của xã hội trở nên khó đoán định và hỗn độn hơn bao giờ hết; nghiên cứu xã hội với tư cách là cái tất định đã không còn phù hợp, việc tìm kiếm một hệ hình nghiên cứu mới đã trở thành một nhu cầu phát triển của khoa học xã hội. Tuy chưa hoàn toàn thống nhất về mặt tư tưởng trong các nhà khoa học xã hội trên thế giới, nhưng *dường như* từ giữa thế kỷ XX đến nay, thực tiễn nghiên cứu là xu thế nghiên cứu liên ngành, tức nghiên cứu xã hội với tư cách là cấu thể của sự phức hợp và bất định. Thực tiễn khoa học đã chứng minh, tư duy liên ngành đã từng bước khắc phục được những hạn chế của tư duy đơn ngành, bằng sự liên kết sức mạnh trí tuệ của các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau, hình thành những nhóm ngành mang tính liên ngành hoặc đa ngành, khoa học xã hội đã khắc họa nên một xã hội ngày càng đầy đủ với tính nhiều vẻ của nó trong hoạt động khoa học.

Lịch sử khoa học là lịch sử vận động tư duy nhân loại và đó cũng là con đường vận động của phương pháp trong nghiên cứu khoa học. Từ góc nhìn biện chứng cho thấy, phương pháp không phải là cái sẵn có, hay được cho từ một lực lượng siêu nhiên bên ngoài con người mà đó là sản phẩm phát triển của tư duy lí luận và hơn nữa phương pháp không phải bất động mà luôn vận động, biến đổi để phù hợp với sự phát triển của xã hội và tư duy.

Từ góc độ *chuẩn thức (Pagadigm¹)* của khoa học, thấy rằng ứng với mỗi giai đoạn, xã hội luôn có một hệ chuẩn trong nghiên cứu; hệ chuẩn ấy tác động đến tư duy xã hội với vai trò là phương pháp luận của hệ hình nghiên cứu. Các cuộc cách mạng về khoa học, thực chất

¹Được dịch với nhiều nghĩa: chuẩn thức, hệ hình, hệ chuẩn tuy thuật ngữ khác nhau nhưng đều được hiểu là những tri thức chuẩn mực đã trở nên phổ quát, các nguyên tắc của nó chi phối mạnh mẽ đến logic hoạt động tư duy khoa học của mỗi thời đại.

là cách mạng về sự thay đổi hệ hình nghiên cứu. Giai đoạn cổ đại, con người nhận thức thế giới chủ yếu bằng phương pháp trực quan, chủ thể nhận thức về đối tượng với tư cách là cái toàn thể. Trong thời kì này, sản xuất vật chất còn thô sơ, xã hội nhận thức về thế giới chủ yếu bằng phương pháp quan sát, nên kết quả của quá trình nhận thức chưa đi vào cái bản chất bên trong đối tượng,

những tri thức chủ yếu dừng lại ở cái bề ngoài. Vượt qua thời kì đó, là giai đoạn phát triển theo xu hướng tư duy phân tích, đỉnh cao của khuynh hướng này là vào thế kỉ XVII và XVIII khi cơ học cổ điển phát triển mạnh mẽ, đây cũng là giai đoạn diễn ra sự phân ngành trong khoa học. Xã hội với tư cách là đối tượng nghiên cứu được chia nhỏ thành nhiều mảnh theo những chiều cạnh khác nhau. Thành công của thời kì này là lượng tri thức con người có về đối tượng tăng lên nhanh chóng, nhưng đó mới chỉ là những tri thức về các mặt, các yếu tố của đối tượng tồn tại trong trạng thái tĩnh và tách biệt lẫn nhau. Xã hội không tồn tại với tư cách là kết quả của các ngành khoa học nghiên cứu về nó được gắn cơ học, mà đó là sự thống nhất hữu cơ của những mặt, những mối liên hệ nói trên, nên về cơ bản trong giai đoạn này nhân loại vẫn chưa có cái nhìn toàn diện về đối tượng với tư cách là *cái đang là*. Khi đối tượng bị phân chẻ, con người không có được cái nhìn tổng thể về khách thể, do vậy tính hiệu quả trong nghiên cứu khoa học bị ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực. Bởi, khoa học xét đến cùng là nhằm phục vụ sự phát triển của xã hội, khi đối tượng không được nhận thức đúng với sự tồn tại trong tính hiện tồn của nó thì những tác động của con người sẽ mang tính siêu hình và chủ quan, đặc biệt trong lĩnh vực xã hội thì những tác động tiêu cực đó càng có sự ảnh hưởng trên diện rộng. Đến nửa đầu thế kỉ XX, tư duy khoa học đơn ngành không còn đóng vai trò độc tôn trong nghiên cứu khoa học xã hội. Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là quá trình toàn cầu hoá đã chỉ ra những tri thức đơn ngành về đối tượng chưa phản ánh đúng bản chất của xã hội, và khi đi vào thực nghiệm khoa học và thực nghiệm xã hội thì những hạn chế, thiếu sót được bộc lộ rõ. Như một tất yếu, thực tiễn xã hội yêu cầu cần một hệ hình nghiên cứu mới, đáp ứng sự vận động và phát triển của thời đại. Trong hoàn cảnh như vậy, các khoa học đơn ngành đã xích lại gần nhau để tìm ra cách giải quyết những vấn đề xã hội một cách hữu dụng nhất, và theo logic vận động của xã hội và tư duy, sự liên kết giữa các ngành để hỗ trợ cho nhau trong quá trình nhận thức về xã hội trở thành một xu thế nghiên cứu của thời đại². Theo Edgar Morin, tư duy hiện đại là tư duy phức hợp, tức là quá trình “triển khai một lí thuyết, một logic, một tri thức luận về tính phức hợp để có thể nhận biết con người” [2, tr.15], thực tiễn nghiên cứu đã chỉ ra, đường hướng tư duy ấy đã

từng bước khắc phục được những hạn chế của tư duy đơn ngành trong nhận thức về xã hội.

Tư duy phức hợp không phủ định siêu hình những hình thức tư duy khác, mà đó là quá trình phủ định biện chứng, tức những hạn chế bị lược bỏ và những giá trị được kế thừa và phát triển ở trình độ mới, đó cũng không phải là sự gắn ghép gián đơn của hai hướng tư duy: nhận thức đối tượng trong tính toàn thể bề ngoài và đối tượng trong tính bộ phận mà là sự thống nhất giữa cái toàn thể và cái bộ phận. Như Passcan đã chỉ ra, “mọi sự vật đều xuất phát từ nguyên nhân và gây nên nguyên nhân, được trợ giúp và đi trợ giúp, gián tiếp và trực tiếp, tất cả đều gắn bó nhau bằng sợi dây liên hệ tự nhiên và không cảm nhận được nối liền các sự vật xa xôi nhất, khác biệt nhất, thành thử tôi cho rằng không thể nào nhận biết được cái bộ phận mà không biết về khối toàn thể, cũng không thể biết được khối toàn thể mà không biết riêng các bộ phận” [1, tr.604] nên giữa cái toàn thể và cái bộ phận không có sự tách biệt cơ học, mà *cái bộ phận nằm trong mối liên hệ với cái toàn cái toàn thể, và cái toàn thể là thể thống nhất của những cái bộ phận*. Nhận thức về cái bộ phận là cơ sở để nhận thức về cái toàn thể, và ngược lại khi cái toàn thể được nhận thức thì cái bộ phận sẽ được hiểu ở một trình độ sâu sắc hơn (tồn tại trong các mối liên hệ với những bộ phận khác và với chính cái toàn thể).

Theo Edgar Morin, nếu tư duy chỉ nhận thức về đối tượng ở một khía cạnh nhất định, và xé nát đối tượng thành những mảnh vụn khác nhau là tư duy mù lòa, tư duy ấy không thể tiếp cận được chân giá trị của đối tượng với tư cách là cái hiện tồn. Tư duy như vậy có thể mang lại những thành công nhất định đối với sự phát

²Thật ra, đối tượng luôn tồn tại với tư cách là cái phức hợp, nhưng trình độ nhận thức của con người về tính phức hợp đó ở mỗi thời kì là khác nhau, nên tính cấp thiết trong liên kết tri thức của quá trình nghiên cứu chỉ trở thành nhu cầu khi thực tiễn nhận thức không thỏa mãn được yêu cầu mà thực tiễn xã hội đặt ra.

triển của khoa học tự nhiên, tuy nhiên “nhãn quan cắt xén và phiến diện thường xuyên phải trả một giá rất đắt khi được áp dụng cho các hiện tượng nhân văn: sự cắt xén đã cắt da xẻo thịt, đã làm đổ máu, đã gieo rắc nỗi thống khổ” [2, tr.14]. Trong tính toàn thể, sự vật luôn tồn tại đan xen trong nhiều mối liên hệ và quan hệ khác

nhau, vậy tư duy phải làm sao để có thể quán triệt được hết những mối liên hệ, quan hệ tồn tại trong đối tượng, “khi nó như sự hỗn độn, rối ren, vô trật tự, mơ hồ, bất định” [2, tr.15]. Tư duy phải nắm được cái logic khách quan của đối tượng, để cái logic chủ quan ngày càng tiệm cận với cái logic khách quan, tức “tri thức cần lập lại trật tự cho đối tượng, bằng cách đẩy lùi cái vô trật tự, tránh xa sự bất định, tức chọn lựa ra những yếu tố có trật tự và tất định, không mơ hồ” [2, tr.15]. Theo logic vận động của quá trình nhận thức, tư duy nhân loại đã có một sự chuyển biến mạnh mẽ về chuẩn thức khoa học, “thay chuẩn thức chia tách/ quy giản/ thiên về một chiều bằng một chuẩn thức phân biệt/ nối kết, cho phép phân biệt nhưng không tách rời, kết hợp nhưng không đồng nhất hoặc không quy giản” [2, tr.17]. Do vậy, để có sự chuyển biến đó, tư duy khoa học phải là tư duy liên ngành, bởi khi nhà khoa học muốn nhận thức về đối tượng với tư cách là cái toàn thể thì bản thân nhà khoa học ấy phải có bộ công cụ, phương tiện để nhận thức - đó chính là phương pháp, kết quả nghiên cứu của khoa học liên ngành.

Xã hội hiện đại, dưới tác động của toàn cầu hóa, thế giới trở nên “phẳng” hơn bao giờ hết, sự ổn định bị phá vỡ thay thế vào đó là tính phức hợp, bất định và ràng buộc trở thành những đặc điểm tiêu biểu của xã hội. Sự biến động của xã hội là căn nguyên dẫn đến sự thay đổi hệ hình trong nghiên cứu khoa học xã hội, và nếu khoa học với tư cách là hình thái ý thức xã hội phản ánh và phụ thuộc vào tồn tại xã hội, khi tồn tại xã hội xã hội biến đổi mà ý thức xã hội không có sự thay đổi theo các chiều kích của thời đại thì khoa học ấy không thể phản ánh được bản chất của đối tượng, hay khoa học ấy đã bị thực tiễn xã hội vượt bỏ. Ngày nay, lí thuyết phức hợp ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu, và được xem là công cụ nghiên cứu hữu dụng để lột tả đúng cái bản chất của đối tượng. Nghiên cứu liên ngành không xuất phát từ ý chí và ý muốn của cá nhân, mà xuất phát từ chính bản thân đối tượng và yêu cầu khách quan trong logic vận động của khoa học. Từ góc độ triết học cho thấy, nghiên cứu liên ngành không đơn thuần là một phương pháp được chủ thể sử dụng để nhận thức về khách thể, mà nó còn là một yêu cầu, một đòi hỏi từ sự vận động tự thân của khách thể và logic vận động nội tại của tư duy khoa học.

Xã hội với tư cách là khách thể nghiên cứu luôn *trình ra* trước chủ thể là cái toàn vẹn, và mỗi khoa học

chuyên ngành chỉ tiếp cận khách thể ở một chiều cạnh nhất định, nhưng xã hội không đơn thuần là phép cộng những kết quả của những nghiên cứu đơn ngành, nên cho dù khoa học đơn ngành phát triển chuyên sâu đến đâu cũng không mang lại cho chủ thể một bức tranh toàn vẹn về xã hội. Do vậy, trước sự biến đổi của xã hội và yêu cầu nhận thức của con người về xã hội, yêu cầu tư duy khoa học phải thay đổi hệ hình phương pháp nghiên cứu - từ nghiên cứu đơn thể sang nghiên cứu liên ngành. Nghiên cứu liên ngành không đơn thuần là một phương pháp nghiên cứu mà còn là phương tiện để các nhà khoa học thuộc các chuyên ngành trở nên gần với nhau trong hoạt động khoa học, qua đó có sự kết hợp cả về lí luận và phương pháp để đưa ra những kết quả tốt nhất trong nghiên cứu khoa học xã hội. Bên cạnh đó, chỉ thông qua nghiên cứu liên ngành, các chuyên ngành khi đi vào nghiên cứu mới sử dụng được những kết quả, và vận dụng phương pháp của nghiên cứu liên ngành vào quá trình nghiên cứu chuyên ngành để khắc phục những hạn chế, mâu thuẫn mà bản thân nó không thể tự giải quyết được. Vì vậy, trong nghiên cứu, yêu cầu các ngành không thể khép kín hay khu biệt với những chuyên ngành khác mà phải hướng tới những chiều kích mới trong sự liên kết giữa các ngành, và cần vận dụng những thành quả, cũng như phương pháp nghiên cứu của khoa học liên ngành để làm sáng tỏ những vấn đề chuyên biệt, tức phải vận dụng cái toàn thể để làm sâu sắc cái bộ phận trong mối liên hệ của bản nó và ngược lại sử dụng cái bộ phận để làm sáng tỏ cơ chế, cấu trúc vận hành của cái toàn thể.

3. Kết quả nghiên cứu và kiến nghị

Thời đại ngày nay “tri thức không thể quy thành một khái niệm duy nhất, như thông tin, hay tri giác, hay mô tả, hay ý tưởng, hay lí thuyết” [3, tr.22] mà “tri thức đòi hỏi sự kết hợp các quá trình năng lượng, điện, hoá học, sinh lí, não, tồn tại, tâm lí, văn hoá, ngôn ngữ, ý tưởng, cá nhân, tập thể, liên cá nhân và phi cá nhân, lồng vào nhau” [3, tr.23]. Nghiên cứu đơn ngành không thể mang lại cho con người tri thức nhiều chiều như vậy, mà thay thế vào đó phải là một hệ hình nghiên cứu mới - nghiên cứu liên ngành.

Từ khi xuất hiện đến nay, nghiên cứu liên ngành đã ngày càng khẳng định ưu thế và trở thành phương thức chủ đạo trong nghiên cứu khoa học xã hội của tư duy khoa học xã hội hiện đại, và trong thời đại ngày nay, nó

vẫn là phương thức nghiên cứu hữu dụng. “Ngày nay, người ta gần như nhất trí thừa nhận rằng trong những dự án nghiên cứu khoa học xã hội, những nhà nghiên cứu bắt buộc phải làm việc trong những êkíp có khả năng đưa ra mọi mặt của vấn đề và vượt lên giới hạn của từng môn. Bất cứ tiếp cận nào tìm cách thu được thành công đều phải coi trọng xu hướng này” [5, tr.521]. Vì thế, tất cả các khoa học chuyên ngành muốn phát triển để đáp ứng được yêu cầu từ thực tiễn và lí luận thì tất yếu phải thực hiện nghiên cứu chuyên ngành từ góc độ nghiên cứu liên ngành trong hoạt động khoa học. Muốn phát triển nghiên cứu liên ngành điều trước hết cần phải tạo nên sự liên kết giữa các ngành trong quá trình nghiên cứu và tiếp đến xây dựng những khoa học có sự tích hợp của nhiều ngành khác nhau. Sự tích hợp đó không chỉ khắc phục được những hạn chế trong nghiên cứu đơn ngành, qua đó phát huy tính tích cực của từng ngành trong quá trình nghiên cứu xã hội mà đó còn là phương thức hiệu quả để khoa học chuyên ngành sử dụng kết quả nghiên cứu của các chuyên ngành khác trong hoạt động khoa học. Do vậy, vấn đề liên kết tri thức không chỉ là một đòi hỏi về mặt phương pháp trong nhận thức cũng như trong cách thức tiếp cận đối tượng, mà còn là đòi hỏi trong logic vận động của tri thức luận trong bối cảnh tri thức đơn thể ngày càng tỏ ra bất lực trước những hiện tượng phức tạp, hỗn độn và bất định của xã hội, cho nên đi vào nghiên cứu xã hội, *chúng ta không nên né tránh hoặc che giấu, mà phải đối mặt với tính phức hợp của nhân học - xã hội* [2, tr.47-53], có vậy nhân loại mới tạo ra được tri thức về tri thức.

Ngày nay, nghiên cứu liên ngành đã trở nên phổ biến trong hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội ở các nước phát triển và nó vẫn được xem là phương thức nghiên cứu hữu dụng không chỉ ở hiện tại mà còn cả tương lai. Theo xu thế chung của tư duy khoa học trên thế giới, nghiên cứu liên ngành hay tư duy phức hợp đang từng bước thâm nhập vào hoạt động khoa học xã hội ở Việt Nam, tuy nhiên tính hiệu quả cũng như tính phổ biến của phương thức suy tư này vẫn còn hạn chế, chưa theo kịp được tốc độ phát triển của thời đại. Tính giới hạn trong nghiên cứu liên ngành ở Việt Nam xuất phát từ nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân quan trọng là Việt Nam đã duy trì mô hình nghiên cứu khoa học theo Liên xô (đặt nặng sự chuyên biệt và phân hoá giữa các ngành) trong một thời gian quá dài, vì vậy để có thể *tái cấu trúc* lại tư duy khoa học, để tư

duy phức hợp trở nên phổ biến trong nghiên cứu cần có sự tiên phong trong giới học thuật khoa học xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Khoa học xã hội có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các mặt của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế cho đến văn hoá, nên một nền khoa học xã hội phát triển luôn là vấn đề rất quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc và Việt Nam cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Khoa học xã hội Việt Nam kể từ khi ra đời đến nay đã có những đóng góp quan trọng đối với quá trình phát triển đất nước trên nhiều phương diện, tuy nhiên trong thời đại ngày nay với những biến động lớn của đất nước và quốc tế, để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội yêu cầu khoa học xã hội Việt Nam phải tự nâng cấp mình ngang tầm với thời đại, và một trong những việc quan trọng để hiện đại hoá khoa học xã hội Việt Nam hiện nay là cần tăng cường đưa nghiên cứu liên ngành vào hoạt động nghiên cứu chuyên ngành.

Theo chúng tôi, để nghiên cứu liên ngành thực sự đi vào sự vận hành của khoa học thì cần có những yêu cầu đặt ra; trong đó một yêu cầu quan trọng là bản thân các nhà khoa học phải vượt lên tính đơn ngành, phải thấy được những hạn chế trong quá trình nghiên cứu đơn thể và nhận diện được những yêu cầu mang tính thời đại trong khoa học xã hội, là vấn đề liên kết tri thức, nếu không có sự chủ động này, nghiên cứu liên ngành không thể thực chất đi vào đời sống khoa học. Bên cạnh đó, mỗi ngành khoa học xã hội phải tạo dựng *hệ hình khoa học* mới trong ngành, quá trình *tái cấu trúc*³ lại hệ hình nghiên cứu là vấn đề sống còn của một ngành khoa học,

³Tái cấu trúc không phải phủ định sạch trơn hệ hình nghiên cứu trước đó, mà cần nâng cấp hệ hình nghiên cứu lên một tầm cao mới, tức không biệt lập chuyên ngành của mình mà phải thường xuyên liên hệ, sử dụng những phương pháp và kết quả của các ngành khác trong hoạt động đơn ngành - nghiên cứu đơn ngành từ giác độ của liên ngành.

bởi hệ hình nghiên cứu được xem là bản thiết kế, tấm biển chỉ đường cho trí tuệ của các nhà khoa học theo, nên một hệ hình nghiên cứu đáp ứng nhu cầu của thời đại sẽ là cơ sở để hình thành những đề tài nghiên cứu tương ứng.

Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao là nhiệm vụ quan trọng của mỗi ngành khoa học xã

hội, để hiện thực hóa điều đó không có con đường nào hữu dụng hơn con đường giáo dục. Trong đào tạo đại học và sau đại học các ngành khoa học xã hội ở Việt Nam, về cơ bản chúng ta chưa thực sự quan tâm đúng mức đến nghiên cứu và giảng dạy nghiên cứu liên ngành. Sinh viên và học viên hiểu biết tương đối mơ hồ về khoa học đa ngành, về việc phương thức vận dụng những phương pháp cũng như kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học khác vào quá trình nghiên cứu của mình, hệ quả là trong những đề tài do sinh viên và học viên thực hiện, ít thấy có sự xuất hiện nghiên cứu liên ngành, nên tính khoa học cũng như thực tiễn của những đề tài đó ít có sự đóng góp đối với thực tiễn của xã hội hiện nay, và theo chúng tôi đây là một trong những lí do tạo nên những hạn chế của khoa học xã hội ở Việt Nam. Vì thế, để nâng cao chất lượng đào tạo các bậc đại học và sau đại học trong khoa học xã hội, vấn đề vận dụng kết quả và phương pháp nghiên cứu liên ngành vào quá trình giảng dạy là một yêu cầu quan trọng, nếu điều này không được thực hiện hữu thức thì tất yếu nguồn nhân lực tương lai của đất nước sẽ khó nắm bắt được tinh thần nghiên cứu khoa học xã hội trên thế giới. Trong đào tạo bậc cao, yêu cầu tính chuyên sâu trong nghiên cứu là rất cần thiết, nếu trong quá trình đó, ta không biết vận dụng phương pháp, kết quả nghiên cứu của những chuyên ngành khác vào quá trình nghiên cứu thì việc biệt lập, đơn thể trong nghiên cứu là điều tất yếu, vì vậy cần tăng cường, khuyến khích những đề tài nghiên cứu liên ngành trong hoạt động đào tạo bậc cao của các khoa học chuyên ngành.

Do vậy, xét từ góc độ nhận thức và thực tiễn, nghiên cứu liên ngành là logic vận động của nghiên cứu khoa học xã hội trên thế giới, khoa học xã hội Việt Nam muốn bắt kịp với tốc độ phát triển của khoa học xã hội trên thế giới, cũng như muốn hoàn thành sứ mệnh đối với quốc gia thì không còn con đường nào khác là phải tái cấu trúc lại hệ hình nghiên cứu - nghiên cứu liên ngành. Và để hiện thực hóa điều đó, ngoài việc tích cực đưa những lí thuyết hiện đại của thế giới về nghiên cứu liên ngành phổ biến ở Việt Nam, chúng ta cần phải thành lập những ngành có sự tích hợp của nhiều ngành khoa học, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các nhà khoa học trong nhóm ngành gần. Trong hoạt động giáo dục cần tăng cường những đề tài lớn về nghiên cứu liên ngành trong các khoa học chuyên ngành và đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, giảng dạy liên ngành trong đào tạo

đại học và sau đại học ở các trường đại học và các viện nghiên cứu hiện nay.

4. Kết luận

Tính đơn ngành trong sự vận động nội tại hướng tới “xé nát” đối tượng thành nhiều phần khác nhau đã không còn giữ được ý nghĩa lịch sử trong thời đại ngày nay, nghiên cứu liên ngành hay tư duy phức hợp nghiên cứu xã hội với tư cách là cái phức hợp, hỗn độn và bất định trở thành xu thế chung trong logic vận động của khoa học xã hội trên thế giới.

Trong nghiên cứu và giảng dạy khoa học xã hội trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, đưa nghiên cứu liên ngành vào nội dung đào tạo là yêu cầu quan trọng, bởi thông qua quá trình đào tạo sẽ sớm định hình cho nguồn nhân lực của các ngành khoa học xã hội có logic tư duy phức hợp, tư duy liên ngành trong học tập và nghiên cứu, tạo *cơ sở nền* về phương pháp và lí luận để họ có thể đi vào nghiên cứu chuyên sâu sau này.

Từ thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy khoa học xã hội ở Việt Nam và xu thế vận động khoa học xã hội trên thế giới hiện nay để thấy rằng, việc tiếp cận và giải quyết những vấn đề xã hội trên nền tri thức liên ngành là một yêu cầu quan trọng trong chiến lược phát triển của khoa học. Tư duy phức hợp nhìn xã hội trong tính toàn thể, bất định và hỗn độn là khuynh hướng nghiên cứu chủ đạo của tư duy nhân loại trong thời đại ngày nay, khoa học xã hội Việt Nam trong tiến trình xây dựng và phát triển cần nắm bắt được những xu thế đó để có những định hướng phát triển và nhập lưu cùng tư duy khoa học của nhân loại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Edgar Morin (chủ biên) (2005), Thách đố của thế kỷ XXI liên kết tri thức, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Edgar Morin (2009), Nhập môn tư duy phức hợp, NXB Tri thức.
- [3] Edgar Morin (2006), Phương pháp 3, tri thức về tri thức, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Thomas Kuhn (2008), Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học, NXB Tri thức.
- [5] Khoa học xã hội trên thế giới (2007), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

THE ROLE OF INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN THE DEVELOPMENT OF SOCIAL SCIENCES AT PRESENT

Abstract: In this article, we tend to support the following two statements:

First, in the present-day time, unidisciplinary research is increasingly revealing obvious limitations and inadequacies in the process of solving social problems that cannot be self-correcting. Changes in the society, especially the process of globalization, has led to new requirements for social studies. Adapting itself to those changes, interdisciplinary research is considered the best mode to meet requirements for development of the time.

Second, social sciences in Vietnam are still relatively lagging behind the development of social sciences in the world. To catch up with that movement trend, the positive and active involvement of interdisciplinary research in the process of researching and training in universities is a tendency and an important requirement for improving the quality of higher education.

Key words: interdisciplinary research; unidisciplinary research; movement of society; social sciences; scientific paradigm.